

Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Sự việc xảy ra vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không thành, từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân từ

đó không ai quan tâm đến nhau nữa, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Đặng Văn C, sinh ngày 21/5/2002, Đặng Văn Q, sinh ngày 30/6/2005 và Đặng Văn H sinh ngày 20/6/2008 nay các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường và do anh T2 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu H còn anh T2 nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu C đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Đặng Văn T2 trình bày: Anh đồng ý với chị T về điều kiện, hoàn cảnh chung sống, mâu thuẫn gia đình và con chung như các lời khai chị T đã trình bày. Anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Văn H còn anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Văn Q đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Lý Thị T và anh Đặng Văn T2 chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Bị đơn cư trú tại thôn Làng Đ, xã K, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện ly hôn và đề nghị giải quyết trách nhiệm nuôi con, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị T và anh Đặng Văn T2 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Đặng Văn T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có thời gian hạnh phúc và có con chung nhưng đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân bất hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy cần tuyên bố không công nhận chị Lý Thị T và Anh Đặng Văn T2 là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T2 có 03 con chung trong đó cháu Đặng Văn C, sinh ngày 21/5/2002 đã trưởng thành anh chị không đề nghị giải quyết xét thấy phù hợp. Còn lại hai cháu do anh T2 đang trực tiếp nuôi dưỡng, tại buổi hòa giải ngày 03/8/2020 và tại phiên tòa anh chị đề nghị Tòa án nghị nhận sự thỏa thuận sau ly hôn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn H sinh ngày 20/6/2008, anh Đặng Văn T2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Văn Q, sinh ngày 30/6/2005 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Đặng Văn H, Đặng Văn Q ngày 13/07/2020 các cháu có nguyện vọng người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phù hợp với sự thỏa thuận của anh T2, chị T. Xét về điều kiện và mức thu nhập của chị T và anh T2 đều có mức thu nhập ổn định 4.000.000đ/ tháng và sự thỏa thuận của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu H và cháu Q nên cần ghi nhận sự thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Lý Thị T và anh Đặng Văn T2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Anh Đặng Văn T2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Văn Q sinh ngày 30/6/2005, chị Lý Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Văn H sinh ngày 20/6/2008 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T2 và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001840 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh + huyện (2);
- THADS huyện (1);
- Các đương sự (2);
- HS -TA (2).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Tiến

